TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HS-PT

Ngày 19 tháng 4 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2022/TLPT-HS ngày 21 tháng 3 năm 2022 đối với Phan Văn D và Trần Thị Tú T do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 10 tháng 2 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Phan Văn D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án: Ngày 17/02/2017, TAND huyện K, tỉnh Hà Nam xử phạt 54 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", ngày 17/12/2020 bị cáo đã chấp hành xong án phạt tù; Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 06/10/2021 chuyển tạm giam ngày 13/10/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Họ và tên: Trần Thị Tú T, sinh năm 2000; nơi cư trú: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T và bà Huỳnh Thị H; chồng: không có, con: có 01 con sinh ngày 06/01/2019; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/9/2021 đến ngày 27/9/2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

Những người tham gia tố tụng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Ngoài ra còn có 04 bị cáo khác trong vụ án Tòa án không triệu tập:

+ Phạm Ngọc H1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam;

+ Trần Văn H2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện L, tỉnh Hà Nam;

+ Đào Thành Đ, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam;

+ Nguyễn Thị Kiều N, sinh năm 1999; nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 17/9/2021, Phạm Ngọc H1 và Trần Văn H2 rủ nhau lên phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam để sử dụng ma túy. Sau đó, H1 gọi cho Trần Thị Tú T thuê xe ô tô taxi rồi cả ba cùng đi lên Đ. Trên đường đi, H1 gọi điện cho Phan Văn D, nói "*Tý anh lên Đ chơi, em sắp xếp bố trí một tí cho anh để anh chơi"* và hẹn D đón nhóm mình ở gầm cầu vượt Đ. Khi lên đến điểm hẹn, thấy D đang đứng đợi, H1 xuống xe ô tô taxi và lên xe mô tô của D. D điều khiển xe mô tô chở H1 đi trước, còn H2 và T vẫn ngồi trên xe ô tô taxi đi theo sau đến khu vực khách sạn B thì tất cả cùng xuống xe. Tại đây, D hỏi H1 "*Anh đi mấy người*", H1 nói "*Anh đi ba người nhưng anh chưa có ai, thằng kia đi cùng người yêu nó*", D nói "*Anh dùng nhiều không",* H1 nói "*Lâu lắm anh không dùng, thôi thì mỗi người một viên kẹo, ke thì dùng vừa thôi*", D nói "*Vậy một chỉ nhé*". H1 đồng ý. Lúc này, D dùng Facebook *"Bố Đĩ*" của mình gọi qua Messenger cho Đào Thành Đ và nói "*Hôm nay có anh của anh lên chơi, em lấy hộ anh ít đồ*", Đ hỏi "*Anh lấy những gì*", D nói "*Lấy cho anh 04 viên kẹo và 01 chỉ ke"* và *"Thuê hộ anh loa, đèn",* Đ đồng ý. D bảo Đ đi ra cây xăng B. Khi Đ ra đến cây xăng B, D nói với Đ "*Em chở hộ anh mấy người ra nhà nghỉ H thuê phòng*". Đ đồng ý và chở H2, T đi trước, còn D chở H1 đi theo sau ra Khách sạn H thuộc tổ dân phố N, phường Đ, thị xã D. Khi đến nơi thì D quay đi luôn. Do nhóm của H1 không có giấy tờ nên không thuê được phòng thì Đ chở H1, H2, T ra quán nước gần nhà nghỉ Ruby One ở Khu đô thị Đ, thuộc địa phận phường D, thị xã D ngồi uống nước đợi D, còn Đ đi về phòng trọ của mình.

Tại quán nước gần nhà nghỉ Ruby One, H1 gọi điện cho D nói "*Bây giờ không thuê được phòng, thằng em em nó chở bọn anh về quán nước rồi*", D nói "*Em biết rồi, em đang gọi đứa có giấy tờ về để thuê phòng cho bọn anh*". Sau đó, D gọi điện cho M, bảo M chở Nguyễn Thị Kiều N, là nhân viên phục vụ quán hát dưới sự quản lý của D đem theo giấy tờ tùy thân ra để thuê phòng và đi chơi cùng nhóm của H1. M nói với N *"Em đi làm phòng bay và mang theo giấy tờ",* N đồng ý. Khoảng 5 - 7 phút sau, D đi ra quán nước gặp nhóm H1, H1 trách D về việc không thuê được phòng cho mình thì D nói là cứ nghĩ nhóm của H1 mang theo giấy tờ và chuẩn bị có người có giấy tờ để thuê phòng rồi. Khoảng 05 phút sau, Đ đi xe mô tô quay lại quán nước, đứng ở ngoài cửa quán gọi D "*Anh D ơi, ra em nhờ tý*", D một mình đi ra ngoài, Đ nói với D "*Anh ơi, lấy cho em tiền kia với*", tức tiền mua ma túy thì D gọi vào trong quán "*Anh H1 ơi, ra em nhờ tý*", H1 đi ra, D nói "*Anh đưa tiền để thằng em em nó đi lấy đồ",* H1 nói "*Tiền để sau, hôm nay anh không cầm tiền*" rồi đi vào trong quán. Thấy vậy, H2 đi ra chỗ Đ và nói "*Hết bao nhiêu anh chuyển tiền*?", Đ nói "*Hết bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng*", Đ nhắn tin tài khoản ngân hàng Vietcombank, số 1016756936, mang tên Trần Thị T cho H2 để H2 chuyển tiền. Đ đi đâu đó khoảng 10 phút sau thì quay lại quán nước, cầm 01 gói ma túy, bên ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng, bên trong có 04 viên ma túy kẹo màu xanh và 01 chỉ ma túy Ketamine, đi vào trong quán, để lên mặt ghế cạnh chỗ D ngồi và quay ra đi luôn. D cầm bọc ma túy này đưa cho H1. Lúc này, M chở N đến quán nước để đi chơi với nhóm H1 thì D bảo M chở N, H2 và T đi ra khách sạn H trước. D gọi điện cho Đ, nói "*Ra quán nước chở anh H1 ra khách sạn hộ anh*". Khi thấy Đ đến, D và H1 đi ra, D nói với Đ "*Em thuê loa, đèn hộ anh chưa",* Đ nói "*Đợi tí",* rồi Đ chở H1 ra Khách sạn H. Sau đó, Đ gọi điện cho nam thanh niên tên Đ ở khu vực Đ, bảo Đ mang loa, đèn ra cổng H cho mình thuê.

Khi đến khách sạn H, N sử dụng giấy phép lái xe mô tô hạng A1 của mình để thuê phòng 305. Khi lên phòng 305, H1 đưa cho N bọc ma túy vừa mua được, N cầm bỏ lên mặt bàn, H2 mở bọc ma túy ra và nói "*Mỗi người một viên*" rồi H1, H2, N, T mỗi người sử dụng 01 viên ma túy kẹo bằng hình thức cho vào miệng và uống với nước Cocacola do N lấy từ trong tủ lạnh ra. Lúc này, Đ đem lên phòng 305 cho nhóm của H1 01 chiếc loa, 01 chiếc đèn chớp và 01 chiếc đĩa sứ hình bầu dục màu trắng rồi lấy của H2 500.000 đồng tiền thuê loa, đèn. Lúc này, H2 bật nhạc từ điện thoại của mình kết nối bluetooth với hệ thống loa, đèn, H1 bảo N "*Em đi xào ke đi*", N lấy đĩa sứ đốt, hơ nóng rồi đổ hết số ke ra đĩa và dùng thẻ ATM của mình để xào, lấy tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng đưa cho H1 để H1 cuộn ống hút nhưng H1 không cuộn được nên H1 đưa cho T. T cầm tờ tiền H1 đưa rồi cuộn thành ống hút hình trụ tròn và lấy 04 vỏ đầu lọc thuốc lá để cố Đ ống hút. Sau khi N xào ke và T quấn ống hút xong thì H1, H2, N, T lần lượt thay nhau sử dụng hết số ma túy đó rồi nhảy trong phòng đến khi mệt thì lên giường nằm nghe nhạc. Ngay sau đó, tổ công tác của Công an thị xã

D tiến hành kiểm tra, phát hiện, lập biên bản và thu giữ toàn bộ tang vật có liên quan.

Vật chứng thu giữ, gồm: Thu tại phòng 305 Khách sạn H:

Trên mặt bàn kệ ti vi: 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục, KT(25x18)cm, trên bề mặt đĩa có bám dính chất tinh thể màu trắng; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 ống hút được quấn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cố định bằng 04 vỏ đầu lọc của điếu thuốc lá, đều bám dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG01;

Trong gầm bàn uống nước cạnh cửa ra vào: 01 túi nilon màu trắng viền màu xanh, loại túi có kẹp zíp, KT khoảng (3x2,5)cm, bên trong có bám dính chất tinh thể màu trắng nghi là ma túy, được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG02;

Tại góc phòng phía bên phải từ cửa vào: 01 loa điện tử màu đen, trên bề mặt loa ghi dòng chữ Harman/Kaodon; 01 bộ sạc nguồn và 01 đèn chớp hình trụ màu đen, trên bề mặt có ghi chữ PARTY LIGH và 01 dây sạc nguồn của đèn chớp;

Trên ghế: 01 túi xách có quai màu xanh trắng in chữ SMIL DAY;

- Thu của chị Lê Thị H là chủ Khách sạn H: 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 số 921181000613 do Sở giao thông vận tải thành phố Cần Thơ cấp ngày 24/01/2018 cho Nguyễn Thi Kiều N, sinh ngày 08/11/1999 ở thị trấn L, huyện D, tỉnh Trà Vinh; 01 hóa đơn của Khách sạn H, giá trị hóa đơn là 930.000 đồng

- Thu của Phạm Ngọc H1: 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng màu xanh đen, nhãn hiệu ASUA, có ốp nhựa dẻo màu trắng, bên trong có lắp 02 sim;

- Thu của Trần Văn H2: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xanh nhạt, đã qua sử dụng, có ốp nhựa dẻo màu nâu, bên trong có lắp 01 sim;

- Thu của Nguyễn Thị Kiều N: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme màu xanh, đã qua sử dụng, bên trong có lắp 02 sim;

- Thu của Trần Thị Tú T: 01 chứng minh nhân dân số 364006097 mang tên Trần Thị Tú Tdo Công an tỉnh Hậu Giang cấp ngày 27/01/2015; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone7 màu vàng cát, đã qua sử dụng bên trong lắp 01 sim;

Khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật của Phan Văn D: Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không thu giữ đồ vật, tài sản gì;

Kết quả xét nghiệm xác định chất ma túy: Phạm Ngọc H1, Trần Văn H2, Nguyễn Thị Kiều N và Trần Thị Tú T đều dương tính với chất MDMA và MET.

Tại bản kết luận giám Đ số 213/PC09 - MT ngày 23/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận: 01 đĩa sứ màu trắng; 01 thẻ ngân hàng Vietcombank; 01 tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam được cuộn thành hình trụ tròn, được cố định bằng 04 đoạn đầu lọc thuốc lá trong hộp ký hiệu TG01 gửi giám định có bám dính ma túy, loại Ketamine; 01 túi nilon màu trắng trong phong bì ký hiệu TG02 gửi giám định có bám dính ma túy, loại Ketamine;

Về nguồn gốc số ma túy: Đào Thành Đ khai báo, sau khi được Phan Văn D nhờ lấy hộ 04 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy ke, Đ đã gọi điện đến số điện thoại 0384568059 của một người tên D ở Phủ Lý và nói "*Anh cầm lên cầu vượt Đ cho em 04 viên kẹo và 01 chỉ ke, khi nào lên đến nơi gọi em*", D nói "*Ừ*". Một lúc sau, khi Đ đang ở phòng trọ của mình thì D gọi điện cho Đ thông báo lên tới gầm cầu vượt Đ. Đ điều khiển xe mô tô ra quán nước gặp Phan Văn D và nhóm H1 lấy tiền mua ma túy là 4.620.000 đồng. H2 bảo chuyển khoản trả tiền mua ma túy nên Đ đã nhắn tin cho H2 số tài khoản Ngân hàng Vietcombank 1016756936 mang tên Trần Thị T. Sau khi H2 chuyển số tiền 4.620.000 đồng vào số tài khoản Đ cho thì Đ cầm 01 gói ma túy được bọc trong giấy vệ sinh màu trắng, bên trong có 04 viên ma túy kẹo màu xanh và 01 chỉ ma túy ke mà D ở P đưa cho đem đi về quán nước, để vào giữa chỗ ngồi của H2 và D rồi quay ra đi về phòng trọ của mình.

Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã xác minh đối với số tài khoản ngân hàng Vietcombank 1016756936 mang tên Trần Thị T, xác định được chủ tài khoản Trần Thị T, sinh ngày 24/10/2000, nơi cư trú: xóm 13, xã Q, huyện L, tỉnh Nghệ An. Hiện Trần Thị T đang bị Cơ quan CSĐT Công an thành phố P, tỉnh Hà Nam khởi tố, tạm giam về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Cơ quan CSĐT Công an thị xã D phối hợp Cơ quan CSĐT Công an thành phố P tiến hành trích xuất, làm việc với Trần Thị T, T xác Đ: Khoảng tháng 10/2020, một người bạn của T, T không nhớ tên gì, ở đâu, cùng làm nhân viên phục vụ các quán hát với T, nhờ T mở hộ một tài khoản tại ngân hàng. Sau đó, T đã dùng giấy chứng minh thư nhân dân của mình để mở một tài khoản số 1016756936 tại ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Hà Nam, rồi đưa thẻ ngân hàng đó cho bạn của T sử dụng. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không có căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định.

Đối với số điện thoại 0384568059 mà Đào Thành Đ khai báo của người đàn ông tên là D ở P, Cơ quan CSĐT Công an thị xã D đã xác minh, xác định chủ thuê bao là Hoàng Thị Hồng L, sinh năm 1986, trú tại xã T, huyện V, tỉnh Nam Định. Quá trình làm việc chị Hoàng Thị Hồng L, cho biết bản thân từ trước đến nay không đăng ký, sử dụng số điện thoại trên. Mặt khác, số căn cước đứng tên đăng ký số điện thoại 0384568059 không đúng với số căn cước mà chị Hoàng Thị Hồng L đang sử dụng. Vì vậy, không xác định được người đàn ông

tên D hiện đang dùng số điện thoại trên là ai, ở đâu nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã D không có căn cứ để điều tra, xử lý.

Với hành vi nêu trên tại bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HS-ST ngày 10/2/2022 Tòa án nhân dân thị xã D đã quyết Đ: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 58, 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Thị Tú T.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 58, 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Văn D.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú T phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*". Xử phạt:

- Phan Văn D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/10/2021.

- Trần Thị Tú T 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/9/2021 đến ngày 27/9/2021. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Ngoài ra bản án hình sự sơ thẩm còn tuyên bố các bị cáo Phạm Ngọc H1, Trần Văn H2 và Nguyễn Thị Kiều N phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*"; bị cáo Đào Thành Đ phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy"* và *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*, quyết định mức hình phạt, xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định ngày 15/2/2022 và ngày 17/2/2022 bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú T đều kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú T. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, bác kháng cáo của bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm đối với D và T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú Ttrong thời hạn luật định, hình thức và nội dung đảm bảo đúng quy định tại Điều 332 Bộ luật Tố tụng hình sự nên là hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tú T đã khai, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã D đã nêu. Đối với bị cáo Phan Văn D tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo không khai nhận hành vi phạm tội của mình nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận bị cáo đã giúp cho nhóm của Phạm Ngọc H1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, D đã nhờ Đào Thành Đ chở H2, T đến khách sạn H để thuê phòng, khi nhóm của H1 không thuê được phòng thì D bảo bị cáo N đem theo giấy tờ tùy thân đến khách sạn H để thuê phòng 305, nhờ bị cáo Đ mua hộ H1 04 viên ma túy kẹo và 01 chỉ ma túy ke, thuê loa, đèn mang đến phòng 305 khách sạn H để nhóm H1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ lời khai của các bị cáo, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định cùng tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập, thẩm định tại phiên tòa, HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 17/9/2021, Phạm Ngọc H1, Trần Văn H2 và Trần Thị Tú T rủ nhau thuê xe ô tô taxi lên phường Đ, thị xã D, tỉnh Hà Nam để sử dụng ma túy. Trên đường đi, H1 gọi điện cho Phan Văn D và hẹn D đón nhóm mình ở gầm cầu vượt Đ. Khi gặp nhau H1 nhờ D mua ma túy 04 viên kẹo và 01 chỉ ke cho cả nhóm sử dụng. Sau đó, D dùng điện thoại gọi cho Đào Thành Đ đặt mua ma túy và nhờ Đ thuê hộ loa, đèn, Đ đồng ý. D bảo Đ chở H2, T, còn D chở H1 đi ra khách sạn H thuộc tổ dân phố N, phường Đ, thị xã D. Khi đến nơi nhóm của H1 không có giấy tờ nên không thuê được phòng, H1 gọi điện cho D thì D gọi điện cho M, bảo M chở Nguyễn Thị Kiều N đem theo giấy tờ tùy thân ra để thuê phòng và đi chơi cùng nhóm của H1. Cùng thời điểm H2 chuyển tiền 4.620.000đồng cho Đ qua tài khoản ngân hàng Vietcombank, số 1016756936, mang tên Trần Thị T. Khoảng 10 phút sau Đ cầm 01 gói ma túy, bên ngoài bằng giấy vệ sinh màu trắng, bên trong có 04 viên ma túy kẹo màu xanh và 01 chỉ ma túy Ketamine, đi vào trong quán, để lên mặt ghế cạnh chỗ D ngồi và quay ra đi luôn. D cầm bọc ma túy này đưa cho H1. Lúc này, M chở N đến quán nước để đi chơi với nhóm H1 thì D bảo M chở N, H2 và T đi ra khách sạn H và D gọi điện cho Đ để Đ chở H1 ra khách sạn H. Sau đó, Đ gọi điện cho nam thanh niên tên Đ ở khu vực Đ, bảo Đ mang loa, đèn ra cổng H cho mình thuê. Khi đến khách sạn H, N sử dụng giấy phép lái xe mô tô hạng A1 của mình để thuê phòng 305. Khi lên phòng 305, H1 đưa cho N bọc ma túy vừa mua được, N cầm bỏ lên mặt bàn, H2 mở bọc ma túy ra và nói "*Mỗi người một viên*" rồi H1, H2, N, T mỗi người sử dụng 01 viên ma túy kẹo bằng hình thức cho vào miệng và uống với nước Cocacola do N lấy từ trong tủ lạnh ra. Lúc này, Đ đem lên phòng 305 cho nhóm của H1 01 chiếc loa, 01 chiếc đèn chớp và 01 chiếc đĩa sứ hình bầu dục màu trắng rồi lấy của H2 500.000 đồng tiền thuê loa, đèn. Lúc này, H2 bật nhạc từ điện thoại của mình kết nối bluetooth với hệ thống loa, đèn, H1 bảo N xào ke, N lấy đĩa sứ đốt, hơ nóng rồi đổ hết số ke ra đĩa và

dùng thẻ ATM của mình để xào, lấy tờ tiền polyme mệnh giá 10.000 đồng đưa cho H1 để H1 cuộn ống hút nhưng H1 không cuộn được nên H1 đưa cho T. T cầm tờ tiền H1 đưa rồi cuộn thành ống hút hình trụ tròn và lấy 04 vỏ đầu lọc thuốc lá để cố Đ ống hút. Sau khi N xào ke và T quấn ống hút xong thì H1, H2, N, T lần lượt thay nhau sử dụng hết số ma túy. Ny sau đó, tổ công tác của Công an thị xã D tiến hành kiểm tra, phát hiện, lập biên bản và thu giữ toàn bộ tang vật có liên quan.

Như vậy với hành vi nêu trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã D đã xét xử Phạm Ngọc H1 phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo điểm b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của Đào Thành Đ phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" và tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo quy Đ tại khoản 1 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; hành vi của Phan Văn D, Trần Văn H2, Nguyễn Thị Kiều N, Trần Thị Tú T phạm tội: "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Phạm Ngọc H1, Trần Văn H2, Đào Thành Đ, Nguyễn Thị Kiều N không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an địa phương, là một trong những nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Vì vậy cần phải xử lý nghiêm minh đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội. Cấp sơ thẩm đã xem xét vai trò của bị cáo D giúp sức tích cực như nhờ mua ma túy, liên hệ thuê phòng, loa đèn để nhóm của H1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Về nhân thân bị cáo D từng bị Tòa án kết về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, ngoài ra bị cáo cũng không xuất trình thêm tài liệu chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đối với bị cáo T có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai báo đang mang thai được 7 tuần và xuất trình phiếu siêu âm, nhưng không có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền, việc bị cáo mang thai trong giai đoạn xét xử phúc thẩm vụ án không làm thay đổi tính chất, hành vi phạm tội trước đó của bị cáo. Cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Phan Văn D 8 năm 6 tháng tù và bị cáo Trần Thị Tú T 07 năm 6 tháng tù là phù hợp và đã thể hiện sự khoan

hồng nhân đạo của pháp luật. Do đó kháng cáo của các bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú Tkhông có căn cứ chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú T, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 07/2022/HSST ngày 10/02/2022 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 (điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo Phan Văn D) Bộ luật Hình sự; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội đối với bị cáo Phan Văn D và bị cáo Trần Thị Tú T.

Xử phạt:

- Phan Văn D 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 06/10/2021.

- Trần Thị Tú T 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 18/9/2021 đến ngày 27/9/2021. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

Đều về tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phan Văn D và Trần Thị Tú T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng).*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- TAND thị xã D;
- VKSND thị xã D;
- Công an thị xã D;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã D;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Các bị cáo;
- Lưu HS, Tòa hình sự, Bộ phận HCTP.

Phạm Hùng Long